

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2020, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, Công ty CP Môi trường đô thị Gia Lâm đã triển khai các nội dung công việc theo đúng kế hoạch đề ra. Ban Giám đốc Công ty báo cáo kết quả thực hiện năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021 của Công ty như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính năm 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	KH thực hiện năm 2020	So sánh TH với KH 2020	So sánh TH 2020 với TH 2019
1	Tổng doanh thu sau thuế	160.710	139.656	115,1%	113,7%
2	Tổng doanh thu trước thuế	148.725	129.286	115,0%	113,8%
2.1	Duy trì VS quận Long Biên	36.443	36.375	100%	102%
2.2	Duy trì VS huyện Gia Lâm	71.370	56.284	127%	122%
2.3	Duy trì thoát nước	4.328	3.529	123%	120%
2.4	Duy trì chiếu sáng	22.524	19.787	114%	121%
2.5	Vận hành bãi rác kiêu Ky	-	-	-	-
2.6	Duy trì VS đường vành đai 3	2155	2360	91%	113%
2.7	Hợp đồng dịch vụ	2.677	2.264	118%	122%
2.8	DT cây xanh	4.363	4.615	95%	146%
2.9	Liên kết, hợp tác kinh doanh trụ sở	591	633	93%	112%
2.10	10% Công tác thu giá dịch vụ	2.290	2240	102%	102%
2.11	Doanh thu từ các hoạt động khác	1.985	1.200	165%	92%
3	Tổng chi phí	134.054	123.750	108,3%	106,1%
4	Lợi nhuận trước thuế	14.671	5.536	265%	341%
5	Lợi nhuận sau thuế	13.291	4.841	275%	377%

2. Các chỉ tiêu tài chính, SXKD khác

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	So sánh 2020 với 2019
I	Các chỉ tiêu tài chính				
1	Vốn chủ sở hữu	Tr. đồng	81.514	91.983	113%
1.1	Vốn Nhà nước	Tr. đồng	52.169	58.869	113%
1.2	Vốn Cổ đông	Tr. đồng	29.345	33.114	113%
2	Tổng tài sản	Tr. đồng	109.710	126.072	115%
3	Nợ phải thu ⁽¹⁾	Tr. đồng	36.374	32.602	90%
4	Nợ phải trả	Tr. đồng	8.286	7.654	92%
5	Nộp ngân sách	Tr. đồng	7.657	9.093	119%
6	Đầu tư thiết bị	Tr. đồng	4.870	9.040	186%
7	Tổng quỹ lương	Tr. đồng	51.288	55.960	109%
8	Tỷ trọng tiền lương trên doanh thu	Tr. đồng	39,25%	37,63%	96%
II	Các chỉ tiêu sản xuất				
1	Duy trì vệ sinh môi trường				
1.1	Khối lượng rác thu gom, vận chuyển	tấn/ngày	293,14	323,40	110%
1.2	Duy trì các tuyến phố đầy đủ hạ tầng	km/ngày	37,197	43,45	117%
1.3	Duy trì cơ giới kết hợp thủ công	km/ngày	258,16	292,05	118%
1.4	Quét hút cơ giới	km/ngày	332,57	323,96	97%
1.5	Duy trì hệ phố	ha/ngày	57,78	63,01	109%
1.6	Thu gom rác ca đêm	Km/ngày	97,84	101,59	104%
1.7	Tưới nước rửa đường	km	313,03	7.158,65	2.287%
1.8	Duy trì ngõ xóm	km/ngày	309,90	377,48	122%
2	Duy trì chiếu sáng				
2.1	Quản lý vận hành	Trạm đèn	232	240	103%
2.2	Duy tu, sửa chữa	Trạm đèn	232	240	103%
3	Duy trì thoát nước				
3.1	Nạo vét bùn bằng thủ công	m ³	1.204,27	1.237,8	103%
3.2	Nạo vét bùn cống bằng máy	m	2.183,29	2.381	109%
3.3	Xử lý bùn tại bãi	tấn	1.983,5	2.002,23	101%
4	Duy trì cây xanh				
4.1	Cắt tỉa cây bóng mát	cây	4.636	1.1472	247%
4.2	Duy trì cây mảng, hàng rào	m ² /tháng	5.280,66	5.280,66	100%
5	Thu giá và phát triển HDDV				
5.1	Thu giá hộ KD, cơ quan >1m ³ /tháng	tr. đồng	7.544,23	8.160,88	108,2%

⁽¹⁾ Nợ phải thu tính đến ngày 31/12/2020;

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	So sánh 2020 với 2019
5.2	Thu giá hộ gia đình, kinh doanh nhỏ	tr. đồng	17.042,38	17.025,89	99,9%
5.3	Phát triển hoạt động dịch vụ				
-	Số lượng các HĐDV khác (Không tính các HĐ thu giá)	HĐ	60	78	130%
-	Doanh thu hợp đồng DV khác	tr. đồng	1.915,20	2.022,04	105,6%
III	Các chỉ tiêu lao động, tiền lương				
1	Thu nhập bình quân tháng	Tr. đ/người	7,0	7,3	104,29%
2	Tổng số lao động	người	580	591	101,9%
2.1	<i>Gián tiếp</i>	<i>nt</i>	30	30	100%
2.2	<i>Phụ trợ</i>	<i>nt</i>	18	19	105,60%
2.3	<i>Trực tiếp</i>	<i>nt</i>	532	542	101,9%
3	Số lao động nghỉ hưu	người	8	5	62,5%
4	Số lao động chấm dứt HĐLĐ	người	58	43	74,1%
5	Số lao động tuyển dụng mới	người	65	59	90,8%

3. Công tác đầu tư

TT	Chủng loại	Đơn vị	Số lượng	Giá trị (tr. đồng)		Ghi chú
				Theo NQ ĐHCĐ, chủ trương	Thực hiện	
1	Phần đã được Đại hội Cổ đông thông qua			8.050,00	6.770,00	
1.1	Xe ô tô chuyên dùng thu gom rác TT <1,25 tấn	xe	5	2.250,00	1.610,00	
1.2	Xe cuốn ép, hoocklift vận chuyển rác 7-10 tấn	xe	2	3.200,00	3.640,00	
1.3	Xe phun áp lực + hút bùn	xe	1	2.100,00	1.520,00	
1.4	Thiết bị trung chuyển, nén ép rác 10 tấn/h	Trạm	1	500,00	-	
2	Đầu tư bổ sung			2.850,00	2.270,00	
2.1	Xe rửa đường 8 - 10 m3	xe	1	1.100,00	835,00	
2.2	Xe Quét hút 5m3	xe	1	1.750,00	1.435,00	
Tổng cộng				10.900,00	9.040,00	

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả đạt được

- Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh, Công ty vẫn đảm bảo ổn định sản xuất, khối lượng, doanh thu, lợi nhuận các mảng công việc đều có sự tăng trưởng so với năm 2019;
- Công tác điều hành sản xuất có những chuyển biến tích cực, chất lượng duy trì, hiệu quả sản xuất được cải thiện, Công ty đã triển khai vận hành mô hình trạm trung chuyển rác cỡ nhỏ, công suất 30-50 tấn/ngày tại xã Dương Quang; ứng dụng phần mềm trong công tác thu giá dịch vụ VSMT, duy trì chiếu sáng...
- Tham gia đấu thầu và trúng thầu một số gói thầu duy trì VSMT, duy trì đô thị trên địa bàn TP Hà Nội, trong đó có địa bàn mới huyện Đông Anh với gói Duy trì hệ thống thoát nước giai đoạn 2021-2023;

2. Tồn tại, hạn chế

- Tiến độ đầu tư các phương tiện, thiết bị trong năm 2020 còn chậm do thời gian hoàn thiện thủ tục đăng kiểm của các nhà thầu cung cấp thiết bị kéo dài.
- Khả năng vận chuyển rác tại một số thời điểm bị hạn chế do khối lượng rác thải phát sinh trên địa bàn quận, huyện tăng ($\approx 10\%$ so với năm 2020), lượng rác thải phát sinh không ổn định (Các ngày lễ, cuối tuần tăng 15-20% so với ngày thường, tăng theo mùa...), tải trọng vận chuyển bị kiểm soát chặt.
- Cơ cấu doanh thu phụ thuộc vào các gói thầu sử dụng vốn ngân sách, tốc độ phát triển các hoạt động dịch vụ ngoài ngân sách còn chậm.
- Công tác tuyển dụng lao động VSMT gặp khó khăn và bị động do mức thu nhập và điều kiện làm việc chưa thu hút.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Nhận định tình hình năm 2021

1.1. Thuận lợi

- Công ty tiếp tục thực hiện các gói thầu duy trì VSMT, duy trì đô thị trên địa bàn huyện Gia Lâm, quận Long Biên, Vành đai 3 ổn định trong giai đoạn 2021-2025 với khối lượng và giá trị tăng so với giai đoạn 2016-2020.
- Công ty đã trúng thầu gói thầu duy trì hệ thống thoát nước trên địa bàn huyện Đông Anh giai đoạn 2021-2023, đã ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển rác đối với khu đô thị Gia Lâm (Vinhome Ocean Park) kể từ ngày 1/1/2021.
- Dịch vụ công ích được xã hội quan tâm, cơ chế đấu thầu ngày càng minh bạch là điều kiện, cơ hội Công ty tham gia đấu thầu, mở rộng địa bàn.
- Những địa bàn truyền thống: huyện Gia Lâm, quận Long Biên có tốc độ đô thị hóa nhanh, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, các khu đô thị mới được hình thành là cơ hội phát triển các hoạt động dịch vụ, bổ sung khối lượng duy tu, duy trì.

1.2. Khó khăn

- Các chi phí đầu vào: vật tư, xăng dầu, nhân công có xu hướng tăng mạnh trong năm 2021.
- Yêu cầu về chất lượng dịch vụ công ích của chủ đầu tư, người dân và xã hội ngày càng cao đặc biệt đối với công tác duy trì VSMT. Công tác vận chuyển rác bị kiểm soát chặt về tải trọng, nước rỉ rác, hạn chế về thời gian hoạt động... tình trạng tắc bãi có thể diễn ra thường xuyên.
- Nguồn thu giá dịch vụ VSMT 2021 có khả năng không đủ bù đắp chi phí duy trì VSMT đối với hạng mục duy trì ngõ xóm do chưa được điều chỉnh mức thu.
- Công tác tuyển dụng lao động VSMT tiếp tục gặp khó khăn do mức thu nhập, điều kiện làm việc chưa thu hút. Xảy ra tình trạng dịch chuyển lao động do sự phát triển đô thị, dịch vụ... nhu cầu tuyển dụng lao động trên địa bàn tăng cao.
- Tình hình dịch bệnh tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động duy tu, duy trì; công tác thu giá VSMT, phát triển các hợp đồng dịch vụ trong năm 2021.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2020	KH thực hiện năm 2021	So sánh KH 2021 với TH 2020	Ghi chú
1	Tổng doanh thu sau thuế	160.710	161.335	100,4%	
2	Tổng doanh thu trước thuế	148.725	148.924	100,1%	
2.1	Duy trì VS quận Long Biên	36.443	36.217	99,4%	
2.2	Duy trì VS huyện Gia Lâm	71.370	74.510	104,4%	
2.3	Duy trì thoát nước	4.328	4.503	104,0%	
2.4	Duy trì chiếu sáng	22.524	19.449	86,3%	
2.6	Vận hành bãi rác kiêu Ky	0	0	-	
2.7	Duy trì VS đường vành đai 3	2.155	3.581	166,2%	
2.8	Hợp đồng dịch vụ khác	2.677	2.035	76,0%	
2.9	DT cây xanh	4.363	4.168	95,5%	
2.10	Liên kết, hợp tác kinh doanh trụ sở	591	633	107,1%	
2.11	10% Công tác thu giá dịch vụ	2.290	2.628	114,8%	
2.12	Doanh thu từ các hoạt động khác	1.985	1.200	60,5%	
3	Tổng chi phí	134.054	137.010	102,2%	
4	Lợi nhuận trước thuế	14.671	11.914	81,2%	
5	Lợi nhuận sau thuế	13.291	9.888	74,4%	

3. Các giải pháp hoàn thành kế hoạch 2021

1. Đối với công tác điều hành sản xuất

- Rà soát, điều chỉnh, tối ưu hóa phương án thực hiện các gói thầu phù hợp các tiêu chí, quy trình định mức mới ban hành và phù hợp điều kiện Công ty cho giai đoạn 2021-2025.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: nghiên cứu đề xuất phương án đầu tư hạ tầng phục vụ Quản lý hệ thống chiếu sáng qua trung tâm điều khiển; Cải tiến công tác quản lý, giám sát các phương tiện cơ giới duy trì VSMT, duy trì đô thị.

2. Công tác tổ chức, nhân sự

- Bố trí sắp xếp lao động hợp lý, xây dựng kế hoạch học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ và người lao động.

- Tập trung các giải pháp nhằm giữ chân, thu hút người lao động: Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập, chế độ đãi ngộ người lao động...

3. Công tác tài chính: Đảm bảo nguồn lực tài chính cho mọi hoạt động của Công ty, sử dụng nguồn vốn hiệu quả.

4. Công tác đầu tư

- Tiếp tục đầu tư các phương tiện phục vụ công tác duy trì VSMT, duy trì đô thị nhằm nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ.

- Tổng mức đầu tư phương tiện năm 2021 (dự kiến): **11.388 triệu đồng** (*chi tiết nhu cầu đầu tư phương tiện, thiết bị năm 2021 xem tại phụ lục 02 kèm theo*).

5. Hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh

- Tích cực tìm kiếm, khai thác, phát triển các hợp đồng dịch vụ về VSMT, duy trì đô thị trên địa bàn huyện Gia Lâm, quận Long Biên.

- Phân đấu mức tăng trưởng về số lượng, doanh thu các hợp đồng dịch vụ (không bao gồm hợp đồng thu giá VSMT) từ 10-15% so với năm 2020.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng Cổ đông Công ty;
- Công ty TNHH MTV MTĐT Hà Nội
- HĐQT, Ban KS;
- Ban GD;
- Các phòng, ban C.ty;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Phùng Thanh Nam

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ NĂM 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN PHẢI THU	GHI CHÚ
	TỔNG NỢ PHẢI THU	32.602	
A	Hợp đồng Ngân sách NN	29.768	
I	Trung tâm phát triển quỹ đất quận Long Biên	5.378	
1	Duy trì vệ sinh Quận	5.042	
2	Duy trì nhà vệ sinh công cộng	52	
3	Tưới nước rửa đường	284	
II	BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Gia Lâm	21.412	
1	Duy trì vệ sinh Huyện	10.779	
2	Duy trì thoát nước	1.662	
3	Duy trì chiếu sáng	7.072	
4	DT cây xanh	608	
5	Khác	1.291	
III	Ban duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	895	
1	Duy trì đường vành đai 3	895	
IV	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Hà Thành	1.453	
V	Công ty TNHH một thành viên chiếu sáng và thiết bị đô thị	629	
B	Hợp đồng thu phí vệ sinh với các xã năm 2016	604	
C	Hợp đồng dịch vụ khác	2.231	
1	Năm 2020	2.074	
2	Năm 2019	10	
3	Năm 2015+2016	146	

**DANH MỤC - TỔNG MỨC ĐẦU TƯ PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ GIA LÂM**

TT	Chủng loại	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú	
I. CHI PHÍ ĐẦU TƯ PHƯƠNG TIỆN					10.950.000.000		
1	Xe ô tô chuyên dùng thu gom rác TT >= 0,8 tấn	xe	1	450.000.000	450.000.000		
2	Xe cuốn ép, hoocklift vận chuyển rác >=10 tấn	xe	2	2.250.000.000	4.500.000.000		
3	Xe quét hút (>=5m3)	xe	1	1.500.000.000	1.500.000.000		
4	Xe tưới nước, rửa đường (>=16m3)	xe	1	1.500.000.000	1.500.000.000		
5	Xe hút bùn (>=4m3)	xe	1	1.500.000.000	1.500.000.000		
6	Xe thang nâng >=13m	xe	1	1.500.000.000	1.500.000.000		
II. CHI PHÍ KHÁC (1% Chi phí thiết bị)					-	109.500.000	
III. DỰ PHÒNG PHÍ (3% Chi phí thiết bị)					-	328.500.000	
Tổng cộng						11.388.000.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔNG ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔNG ANH		CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔNG ANH	
STT	Mô tả chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

